

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NHA TRANG
TỈNH KHÁNH HÒA**

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 11/3/2024.

V/v tranh chấp: “Ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NHA TRANG, TỈNH KHÁNH HÒA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Lê Viên**

- Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Nguyễn Thị Lý**

Ông Nguyễn Văn Bạ

- Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Hồng Phương Thảo** – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Ông **Nguyễn Phi Dũng** - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nha Trang, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1168/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/01/2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 06/2024/QĐST-HNGĐ ngày 26/01/2024, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số 07/TB-TA ngày 20/02/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Lê Thị Kim L**, sinh năm: 1990

Địa chỉ: **Thôn T, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.**

Vắng mặt.

Bi đơn: Ông **Nguyễn Duy H**, sinh năm: 1988

Địa chỉ: **Thôn T, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa.**

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Nguyên đơn – Bà **Lê Thị Kim L** trình bày:* Bà **L** và ông **Nguyễn Duy H** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại **Ủy ban nhân dân xã H, huyện K, tỉnh Đắk Lắk** năm 2008.

Sau khi kết hôn, cuộc sống vợ chồng hạnh phúc. Tuy nhiên, từ năm 2019 đến nay, giữa bà và ông **H** không có sự hòa hợp, ông **H** không còn quan tâm đến vợ

con, mạnh ai nấy sống. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà **L** yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông **H**.

- Về con chung: Bà **L** và ông **H** có hai con chung là **Nguyễn Lê Thu T**, sinh ngày 17/12/2008 và **Nguyễn Lê Thu H1**, sinh ngày 04/7/2014. Bà **L** đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến tuổi trưởng thành, không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà **L** không yêu cầu tòa án giải quyết.

*Bị đơn, ông **Nguyễn Duy H** mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đến Tòa để lấy lời khai, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải vụ án, nhưng ông **H** không đến Tòa làm việc theo giấy triệu tập nên Tòa án không lấy được lời khai của ông **H**, không hòa giải được vụ án.*

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nha Trang đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà **Lê Thị Kim L** được ly hôn với ông **Nguyễn Duy H**; giao hai con chung **Nguyễn Lê Thu T**, sinh ngày 17/12/2008 và **Nguyễn Lê Thu H1**, sinh ngày 04/7/2014 cho bà **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành, ông **H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung; tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết; bà **L** chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Quan hệ pháp luật:

Bà **Lê Thị Kim L** khởi kiện yêu cầu ly hôn ông **Nguyễn Duy H** nên tranh chấp giữa bà **L** và ông **H** là tranh chấp về ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

Bị đơn ông **Nguyễn Duy H** hiện nay cư trú tại **thôn T, H, xã P, thành phố N, tỉnh Khánh Hòa**; căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của nhân dân **thành phố N**.

[1.3]. Về sự có mặt của các đương sự:

Tại phiên tòa, bà **Lê Thị Kim L** có đơn xin xét xử vắng mặt; ông **Nguyễn Duy H** mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do; căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bà **L**, ông **H**.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị Kim L** xác định, bà và ông **Nguyễn Duy H** tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã **H**, huyện **K**, tỉnh **Đắk Lắk** cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 24/10/2008, đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà **L** cho rằng, quá trình chung sống với nhau, từ năm 2019, giữa bà và ông **H** không có sự hòa hợp, cả hai đã sống ly thân, không ai còn quan tâm đến ai. Ông **H** mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn không có mặt khi Tòa án hòa giải cũng vắng mặt tại phiên tòa, thể hiện ông **H** không có thiện chí hàn gắn tình cảm với bà **L**. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định, tình trạng hôn nhân giữa bà **L** và ông **H** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của bà **L** là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận để bà **L** được ly hôn ông **H**.

[3]. Về con chung: Bà **Lê Thị Kim L** khai, giữa bà và ông **Nguyễn Duy H** có hai con chung là **Nguyễn Lê Thu T**, sinh ngày 17/12/2008 và **Nguyễn Lê Thu H1**, sinh ngày 04/7/2014. Bà **L** đề nghị được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến tuổi trưởng thành. Các cháu **Nguyễn Lê Thu T**, **Nguyễn Lê Thu H1** có nguyện vọng được sống với mẹ. Đề nghị của bà **L** phù hợp với nguyện vọng của hai con chung nên Hội đồng xét xử giao hai con chung cho bà **L** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con chung đến tuổi trưởng thành.

Bà **L** không yêu cầu ông **H** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4]. Tài sản chung và nợ chung: Bà **Lê Thị Kim L** xác định, vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5]. Về án phí: Bà **Lê Thị Kim L** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà **Lê Thị Kim L** được ly hôn ông **Nguyễn Duy H**.

2. Về con chung: Giao hai con chung **Nguyễn Lê Thu T**, sinh ngày 17/12/2008 và **Nguyễn Lê Thu H1**, sinh ngày 04/7/2014 cho bà **Lê Thị Kim L** trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành. Ông **Nguyễn Duy H** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Bà **Lê Thị Kim L** phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0000455 ngày 09 tháng 11 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nha Trang, bà **L** đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND T. Khánh Hòa;
- VKSND TP. Nha Trang;
- Chi cục THADS TP. Nha Trang;
- UBND X. Hòa Đông, H. Krông Pắc,
- T. Đắk Lắk (số 81, ngày 24/10/2008);
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ;

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Lê Viên

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**